UBND XÃ HÀ TÂY
TRƯỜNG THCS TÂN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/BC-THCS

Hà Tây, ngày 22 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Tân An báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu - chi tài chính như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên trường: Trường THCS Tân An, xã Hà Tây, TP Hải Phòng

2. Địa chỉ:

Xóm 2, thôn Đông Phan, xã Hà Tây, TP Hải Phòng Điện thoại: 0906069306

Website: http://thcstanan.haiphong.edu.vn

Email: http://thcstanan.hatay@haiduong.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND xã Hà Tây, TP Hải Phòng

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, trường THCS Tân An có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục của nhân dân trong xã và vùng lân cận.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu

cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới "công dân toàn cầu".

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lí giáo dục. Đổi mới công tác quản lí giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở Tân An, năm 1958 là trường An Phú gồm 2 xã Tân An và Thanh Hải. Tháng 9 năm 1959 tách ra là trường phổ thông cấp II Tân An. Ban đầu trường chỉ có một Hiệu trưởng và một giáo viên với học sinh của hai lớp 5. Những ngày đầu, các lớp học ở chùa Khánh Hưng rồi chuyển về Chùa Cả, đến năm 1975 trường mới được chuyển về địa điểm hiện nay.

Từ năm 1959 đến năm 1975 là thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, miền Bắc nói chung và Tân An nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của thầy, cô Hiệu trưởng mà đầu tiên là thầy Bùi Quang Nghiệp, thầy Trần Hiếu, cô Lê Thanh Tịnh, thầy Đỗ Xuân Bạt, các thế hệ thầy cô giáo của trường đã không quản đường xa, gian khổ, bám lớp, bám trường, nhiệt tình, trang bị kiến thức, giáo dục nhân cách cho học sinh. Nhiều thế hệ học sinh đã trưởng thành từ mái trường này.

Từ sau ngày 30/04/1975, đất nước thống nhất, tiếp bước các thế hệ cha anh, các thầy Hiệu trưởng: thầy Đỗ Đức Vần, thầy Lê Văn Sâm, thầy Lê Văn Định; các thầy Phó hiệu trưởng: thầy Nguyễn Đức Như, thầy Lê Xuân Xuyên, thầy Phạm Ngọc Tăng, đã không quản gian lao cùng với cán bộ, giáo viên đã làm cho nhà trường ngày càng đổi mới, chất lượng hai mặt giáo dục ngày một chuyển biến tích cực.

Từ tháng 8 năm 2008, thầy Nguyễn Sĩ An được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng, thầy Nguyễn Năng Lưu là Phó hiệu trưởng được chuyển từ Trường THCS Quyết Thắng về, Ban Giám hiệu đã cùng chi bộ, tập thể sư phạm cùng các lực lượng ở địa phương có thiện tâm với giáo dục đã làm cho trường lớp ngày một khang trang, chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhiều năm trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên Tiến, đặt tiền đề vững chắc cho việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

Từ tháng 8 năm 2012, thầy Nguyễn Công Hồi chuyển về làm Hiệu trưởng, qua một năm đã làm kế tiếp một số phần việc. Tháng 8 năm 2013, thầy Nguyễn Sĩ An

được cấp có thẩm quyền Quyết định trở lại trường để tiếp tục xây dựng trường chuẩn. Tháng 3 năm 2020, thầy Nguyễn Năng Lưu được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm làm Hiệu trưởng. Tháng 5 năm 2020, thầy Đinh Quang Đức được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm làm Phó hiệu trưởng. Tháng 8 năm 2021, thầy Nguyễn Văn Chính được chuyển từ trường THCS Thanh Hải về làm Hiệu trưởng.

Được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các cơ quan ban ngành, sự ủng hộ góp sức của toàn thể nhân dân địa phương, các nhà hảo tâm, các bậc CMHS... những thành tựu mà nhà trường đạt được rất đáng tự hào. Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, hiện nay nhà trường đã có đội ngũ đạt chuẩn 95.45% (trình độ đại học), trên chuẩn (Thạc sĩ). Tỷ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tỉnh tăng qua từng năm, nhiều thầy cô được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua. Sự vững mạnh của đội ngũ giáo viên đã tạo đà nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng đại trà và đội tuyển học sinh giỏi cũng dần được được khẳng định qua nhiều năm. Chất lượng thi vào lớp 10 THPT được giữ vững và nâng lên qua từng năm.

Qua nhiều năm phấn đấu, từ năm học 2019- 2026 đến nay trường luôn được công nhận danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.

Trường có tổ chức chi bộ Đảng gồm 23 đảng viên, luôn giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Hàng năm chi bộ nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong nhà trường hoạt động tích cực, sôi nổi, bổ ích. Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường đều có tinh thần trách nhiệm, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trường THCS Tân An cũng là nơi đào tạo cung cấp cho ngành giáo dục những giáo viên giỏi, cán bộ quản lý giỏi.

Đây là sự khẳng định về chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục của nhà trường trong những năm vừa qua, đồng thời cũng là tiền đề quan trọng để nhà trường xây dựng chiến lược phát triển trong giai đoạn sau với mục tiêu duy trì trường đạt đạt chuẩn Quốc gia, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu, đã và sẽ trở thành một địa chỉ tin cậy của nhân dân, học sinh trên địa bàn xã.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Văn Chính

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Tân An

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Số điện thoại: 0906069306

Email: nvchinh68@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Hà Tây về việc tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập thuộc UBND xã Hà Tây.

7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Chính

+ Ngày tháng năm sinh: 12/8/1968

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Chính, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Tân An UBND xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng, kể từ ngày 22/9/2025 đến ngày 05/8/2026 *(Theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của Chủ tịch UBND xã Hà Tây).*

Phó hiệu trưởng: Đinh Quang Đức

+ Ngày tháng năm sinh: 07/10/1983

+ Bổ nhiệm ông Đinh Quang Đức, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Tân An UBND xã Hà Tây, thành phố Hải Phòng, kể từ ngày 22/9/2025 đến ngày 05/8/2026 *(Theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của Chủ tịch UBND xã Hà Tây).*

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.

7.4.1.Cơ chế hoạt động của trường THCS Tân An

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công

khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện đê xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm của địa bàn xã Tân An và các xã lân cận.

- Trường THCS Tân An là cơ sở giáo dục trung học cơ sở (THCS) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Hà Tây.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: *Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).*

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được UBND xã Hà Tây giao năm 2026:

Số biên chế được giao năm 2026: 26

Số biên chế hiện tại: 22

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	
Giáo viên	18	16	0	0	18	0	
Nhân viên	2	2	0	0	2	0	
Cộng	**22**	**18**	**0**	**0**	**21**	**1**	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Tân An năm học 2025-2026: (Biên chế:22; NVHĐ: 01; GVHĐ: 03)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26	0	1	24	1	0	0	5	13	2	23	0	0	0
I	**Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:**	20	0	0	17	1	0	0	5	12	1	20	0	0	0
1	Toán	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
2	KHTN	3	0	0	2	0	0	0	0	1	1	3	0	0	0
3	Công nghệ	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0
4	Tin học	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
5	Ngữ văn	4	0	0	4	0	0	0	1	3	0	4	0	0	0
6	Tiếng Anh	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26	0	1	24	1	0	0	5	13	2	23	0	0	0
7	GDCD	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
8	Lịch sử-Địa lý	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
9	GDTC	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
10	NT (Mỹ Thuật)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
11	NT (Âm nhạc)	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
12	HĐTN-HN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	GDĐP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Cán bộ quản lý**	**2**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**2**	**0**	**0**	**0**
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
III	**Nhân viên**	3	0	0	3	0	0	0							
1	NV văn thư	**0**	0	0	**0**	0	0	**0**							
2	NV kế toán	**1**	0	0	**1**	0	0	**0**							
3	Thủ quỹ	**0**	0	0	**0**	0	0	**0**							
4	Nhân viên y tế	**0**	0	0	**0**	0	0	**0**							
5	NV thư viện	**1**	0	0	**1**	0	0	**0**							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	**1**	0	0	**1**	0	0	**0**							
4	NV hỗ trợ giáo dục NKT	**0**	0	0	**0**	0	0	**0**							
8	Nhân viên CNTT	**0**	0	0	**0**	0	0	**0**							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường THCS Tân An năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	6	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	6	0,74
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	1,08
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	36	-
III	**Số điểm trường**	01	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	6.987	16,02
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	3.440	7,9
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	324	0,74
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	472	1,08
3	Diện tích thư viện (m^2)	108	0.24
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	-
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	78	0.17
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	4/12
1.1	Khối lớp 6	1	1/3
1.2	Khối lớp 7	1	1/3
1.3	Khối lớp 8	1	1/3
1.4	Khối lớp 9	1	1/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0

2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0
2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	21	Số học sinh/bộ 20.7
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	12	1/1
2	**Cát xét**	0	0
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	0
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	3	0.006
5	**Thiết bị khác...**		
6	**…..**		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	12	1/1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.006
5	Thiết bị khác...		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ

XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,11
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Trường THCS Tân An đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Tân An đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Tân An đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.

2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.

3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.

5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

6. Viết báo cáo tự đánh giá.

7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nền nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Nhà trường nhận Quyết định công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo QĐ số 1311/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 31/5/2024

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

Nhà trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1(Quyết định số 1311/QĐ-UBND ngày 31/5/2024)

Năm học 2025 - 2026 tiếp tục chỉ đạo cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, nâng chất lượng các tiêu chuẩn, rà soát các chỉ số, tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiến độ đánh giá chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến đảm bảo chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Tân An, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo quy định của UBND xã Hà Tây và Phòng VH - XH	Theo quy định của UBND xã Hà Tây và Phòng VH - XH	Theo quy định của UBND xã Hà Tây và Phòng VH - XH	Theo quy định của UBND xã Hà Tây và Phòng VH - XH
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT	Thực hiện chuẩn KT-KN theo CTGDPT 2018 của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GĐ Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GĐ Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GĐ Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và GĐ Học sinh tích cực, chuyên cần, chủ động trong học tập
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động TN-HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.	Hoạt động TN-HN, lao động, hoạt động tư vấn học tập, tư vấn tâm lý.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.	- Năng lực, phẩm chất được đánh giá từ Đạt trở lên. - Học tập đánh giá từ Đạt trở lên. - Sức khỏe đạt 95%trở lên.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học đủ 4 năm bậc THCS	Học đủ 3 năm bậc THCS	Học đủ 2 năm bậc THCS	Hoàn thành chương trình bậc THCS, TN.THCS và vào lớp 10 THPT hệ công lập

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Tân An năm học 2025 – 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
I	**Số học sinh chia theo KQ rèn luyện**	**436**	**107**	**100**	**106**	**100**	**134**	**100**	**89**	**100**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**370**	97	90,65	87	82,08	112	83,58	74	83,15

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**62**	10	9,35	17	16,4	21	15,67	14	15,73
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**4**	0	0	2	1,89	1	0,75	1	1,12
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo KQ học tập**	**436**	**107**	**100**	**106**	**100**	**134**	**100**	**89**	**100**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	**176**	34	31,78	46	43,40	58	43,28	38	42,70
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	**200**	66	61,68	39	36,79	58	43,28	37	41,57
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**58**	7	6,54	19	17,92	18	13,43	14	15,73
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	**2**	0	0	2	1,89	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**436**	**107**	**100**	**106**	**100**	**134**	**100**	**89**	**100**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	**434**	**107**	**100**	**106**	**100**	**134**	**100**	**89**	**100**
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	**2**	0	0	2	1,9	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	**3/7**	0	0	0/2	0/0,4	2/3	0,4/0,6	1/2	0,2/0,4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng	**1**	1	0,9	0	0	0	0	0	0

	số)									
IV	**Số học sinh đạt giải kỳ thi Giao lưu học sinh giỏi**	**23**	0	0	0	0	**22**	**0**	**1**	0
1	Cấp xã	**18**	0	0	0	0	18	0	0	0
2	Cấp thành phố	**5**	0	0	0	0	4	0	1	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	**89**	0	0	0	0	0	0	**89**	0
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**89**	0	0	0	0	0	0	**89**	0
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)									
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	188/248	50/57		38/68		60/74		40/42	
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	**1**	0	0	0	0	0	0	1	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu ngân sách phân theo:

* **Tổng thu nguồn ngân sách: 6.806.969.291 đồng**. Trong đó:

- Nguồn kinh phí không giao tự chủ: 910.726.291 đồng

- Nguồn kinh phí giao tự chủ: 5.896.243.000 đồng

1.2. Các khoản chi ngân sách phân theo:

1.2.1 Nguồn kinh phí giao tự chủ: 5.896.243.000 đồng

- Chi tiền lương cho CBQL, GVNV: 2.887.993.829 đồng
- Chi tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ: 175.770.224 đồng
- Chi phụ cấp lương: 1.664.020.699 đồng
- Chi tiền thưởng: 15.620.000 đồng
- Chi phúc lợi tập thể: 21.100.000 đồng
- Chi các khoản đóng góp: 796.948.438 đồng
- Chi các khoản thanh toán khác cho cá nhân: 22.040.212 đồng

- Chi dịch vụ công cộng: 33.311.708 đồng
- Chi vật tư văn phòng: 66.530.660 đồng
- Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc: 6.465.000 đồng
- Chi công tác phí: 6.920.000 đồng
- Chi phí thuê mướn: 57.679.400 đồng
- Chi sửa chữa, duy tu TS: 64.530.950 đồng
- Chi chuyên môn: 66.211.880 đồng
- Chi khác : 11.100.000 đồng

1.2.2 Nguồn kinh phí không giao tự chủ: 719.894.291 đồng

- Chi phụ cấp lương (phụ cấp ưu đãi dạy HSKT) : 85.679.611 đồng
- Chi hỗ trợ đối tượng chính sách CPHT : 9.450.000 đồng
- Chi tiền thưởng theo NĐ 73 : 282.000.000 đồng
- Chi phí thuê mướn: 20.250.000 đồng
- Chi sửa chữa tài sản: 19.750.000 đồng
- Chi nghiệp vụ chuyên môn : 142.894.680 đồng
- Chi khác (cấp bù học phí; bão Yagi): 159.870.000 đồng

1.2.3 Kinh phí chuyển nguồn sang năm sau: 190.831.750 đồng

1.2.4 Kinh phí giảm trong năm: 250 đồng

1.3 Nguồn học phí: 459.070.550đồng

- Số dư năm trước chuyển sang: 177.461.424 đồng
- Tổng thu năm 2025: 334.220.000 đồng

1.4. Các khoản chi nguồn học phí: 307.251.160 đồng

- Chi thường xuyên: 303.664.160 đồng
- Chi nộp thuế TNDN 2%: 3.587.000 đồng
- Số dư chuyển sang năm 2026: 204.430.264 đồng.

1.5 Tổng thu - chi các nguồn khác:

+ Tiền vệ sinh trường lớp:

- Số dư năm trước chuyển sang: 34.304.402 đồng
- Thu: 15.000đồng/học sinh/tháng: 58.995.000 đồng
- Nội dung chi năm 2025: Chi tiền vệ sinh trường, lớp, mua đồ dùng dụng cụ vệ sinh, nước lau sàn, tẩy rửa…: 59.384.402 đồng
- Số dư chuyển sang năm 2026: 33.915.000 đồng

+ Tiền xe đạp:

- Số dư năm trước chuyển sang: 1.562.000 đồng
- Thu: 10.000đồng/học sinh/tháng: 32.130.000 đồng
- Nội dung chi năm 2025: Chi tiền công trông xe đạp, nộp thuế TNDN, GTGT, chi công tác quản lý thu - chi: 31.166.100 đồng
- Số dư chuyển sang năm 2026: 2.525.900 đồng

+ Tiền Sổ LLĐT:

- Thu: 90.000đồng/học sinh/tháng: 38.790.000 đồng

- Nội dung chi năm 2025: Chi trả tiền mua PM, kinh phí nhập liệu PM: 38.790.000 đồng

- Số dư chuyển sang năm 2026: 0 đồng

+ Tiền nước uống tinh khiết:

- Số dư năm trước chuyển sang: 9.000 đồng

- Thu: 9.000đồng/học sinh/tháng: 19.620.000 đồng

- Nội dung chi năm 2025: Chi trả tiền nước uống: 19.620.000 đồng

- Số dư chuyển sang năm 2026: 0 đồng

+ Tiền Bảo hiểm thân thể:

- Thu: 200.000 đồng/học sinh/năm học: 83.500.000 đồng

- Nội dung chi năm 2025: Nộp về cơ quan BH Bảo Việt: 83.500.000 đồng

+ Tiền Bảo hiểm y tế:

- Thu: 631.800 đồng/học sinh/năm: 263.833.488 đồng

- Nội dung chi năm 2025: Nộp về cơ quan Bảo hiểm 263.833.488 đồng

+ Tiền gửi Chăm sóc sức khỏe ban đầu:

- Số dư năm trước chuyển sang: 22.849.628 đồng

- Tổng thu năm 2025: 25.034.032 đồng

- Nội dung chi năm 2025: Chi tiền khám sức khỏe cho học sinh, mua vật tư phòng y tế: 19.355.765 đồng

- Số dư chuyển sang năm 2026: 28.527.895 đồng

+ Tiền lãi ngân hàng: 42.971đồng

+ Tiền gửi tiền khuyến học: 15.200.000 đồng

+ Tiền dạy thêm, học thêm:

- Thu: 7.000 đồng/học sinh/tiết: 267.330.000 đồng

- Nội dung chi năm 2025: Chi tiền nộp thuế TNDN, chi công tác giảng dạy, công tác quản lý, thu chi: 267.330.000 đồng

- Số dư chuyển sang năm 2026: 0 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo quy định.

3. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

B. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá

về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ đầu tháng 8/2025.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2025 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách của UBND xã Hà Tây.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2025) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: Phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo đến phụ huynh học sinh trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: Tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:
- Phòng VH- XH (b/c);
- Thông báo (niêm yết);
- Lưu: KT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ HÀ TÂY T.P HÀ NỘI PHÒNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN AN

Nguyễn Văn Chính